

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-4-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Chung

2. Ông Võ Thế Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 11, Tổ 3, Ấp 3, xã PA, huyện TP, ĐN.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 4072/1, Ấp PL1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

2. Bị đơn: Anh **Tăng Thường Vĩnh D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 11, Tổ 3, Ấp 3, xã PA, huyện TP, ĐN.

(Tại phiên tòa có mặt anh D, vắng mặt chị H (chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của chị H thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh D tính tình nóng

này, hay nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực gia đình. Năm 2012 chị đã nộp đơn ly hôn anh D tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Được gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Từ tháng 6/2017, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng còn không quan tâm, chăm sóc nhau. Đầu năm 2018, chị về nhà thăm con thì anh D đe dọa đòi giết và đuổi chị đi. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tăng Thường Vĩnh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tăng Thường N, sinh ngày 29/3/2005 và Tăng Thụy L, sinh ngày 12/12/2011. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L, đồng ý giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị đồng ý giao cháu Tăng Thường N và cháu Tăng Thụy L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay chị có khó khăn về kinh tế.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 1.500.000.000đ gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐH, tỉnh LD. Yêu cầu này đã được Tòa án thụ lý.

Ngày 31/7/2018, chị H có đơn đề nghị xác định bà Hồ Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến số tiền bà H còn nợ là 600.000.000đ. Ngày 06/8/2018, chị H có đơn yêu cầu bổ sung chia tài sản chung diện tích đất 889m² thuộc thửa đất số 185, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN, trị giá tài sản tranh chấp là 500.000.000đ. Chị H yêu cầu chia đôi giá trị thửa đất trên, cụ thể giao anh D quản lý, sử dụng diện tích đất trên và anh D sẽ thanh toán cho chị 250.000.000đ. Yêu cầu này đã được Tòa án thụ lý đúng quy định.

Ngày 09/10/2018, chị H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia đôi số tiền 600.000.000đ bà Hồ Thị H còn nợ vợ chồng. Yêu cầu này của chị H đã được Tòa án thụ lý đúng quy định.

Ngày 04/03/2019, chị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của anh D về yêu cầu chia tài sản chung là xe mô tô mang biển số 60B3-491.42, chị đồng ý giao xe mô tô này cho anh D toàn quyền sở hữu. Nay anh D đã rút yêu cầu phản tố nên chị không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì.

Về nợ chung: Chị khai báo không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo lời trình bày của anh D thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, giữa vợ chồng thường xảy cự cãi, xô xát. Gia đình hai bên có khuyên can, hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Chị H nhiều lần bỏ nhà ra đi, không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 6/2017, chị H ra ngoài sinh sống

nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nhưng thỉnh thoảng chị H có về thăm con. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, nhưng anh muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là Tăng Thường N, sinh ngày 29/3/2005 và Tăng Thụy L, sinh ngày 12/12/2011. Hiện nay các con chung do anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ngày 04/3/2019, chị H có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì.

Đối với yêu cầu phản tố của anh về việc chia tài sản chung là xe mô tô mang biển số 60B3-491.42, do chị Nguyễn Thị Cẩm H đứng tên giấy đăng ký xe. Nay anh xin rút yêu cầu phản tố và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định các khoản vay đã thanh toán xong. Hiện nay vợ chồng anh chị không còn nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

- + 01 (một) CMND của chị H (bản sao);
- + 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- + 01 (một) Sổ hộ khẩu của chị H, anh D (bản sao);
- + 02 (hai) Giấy khai sinh (bản sao);
- + 01 (một) Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00005548868 (bản sao);
- + 01 (một) Hồ sơ giao nhận khoán đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ 600 (bản photo);
- + 01 (một) Giấy cam đoan của bà Hồ Thị H (bản photo);
- + 01 (một) Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung ghi ngày 04/3/2019 của chị Nguyễn Thị Cẩm H (bản chính).

- Anh D đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

- + 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 185, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã PA (bản photo);
- + 01 (một) Hóa đơn của cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất XH ghi ngày 12/7/2018 (bản photo);
- + 01 (một) Hóa đơn của cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất XH ghi ngày 17/7/2018 (bản photo);
- + 01 (một) Hóa đơn của cửa hàng vật liệu xây dựng TH ghi ngày 02/8/2018 (bản photo);

+ 01 (một) Hóa đơn của cửa hàng vật liệu xây dựng TH ghi ngày 04/9/2018 (bản photo);

+ 01 (một) Đơn xin xác nhận đối với cháu Tăng Thường N tại trường tiểu học PA ghi ngày 04/9/2018 (bản chính);

+ 01 (một) Đơn xin xác nhận đối với cháu Tăng Thụy L tại trường tiểu học Phú An ghi ngày 04/9/2018 (bản chính);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển số 60B3 – 491.42 đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Thị Cẩm H (bản photo);

+ 01 (một) Giấy xác nhận của anh Lê Huy V (bản photo);

+ 01 (một) Giấy vay tiền và thanh toán tiền giữa anh D và chị Lâm Phương T (bản photo);

+ 01 (một) Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện ghi ngày 04/3/2019 của anh Tăng Thường Vĩnh D (bản chính).

- *Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau:*

+ 01(một) Biên bản xác minh ngày 20/8/2018 của ông Ngô Gia L (bản chính);

+ 01 (một) Công văn số 337/NHN0ĐH – KTNQ ngày 30/10/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐH, LD II (bản chính);

+ Hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh TP cung cấp (bản sao);

+ 01 (một) Công văn số 744/ NHN0ĐH – KTNQ ngày 14/12/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TP, ĐN và các chứng từ giao dịch (bản sao);

+ 01 (một) Biên bản xác minh ngày 08/3/2019 của ông Vũ Hải T (bản chính);

+ 01 (một) Biên bản xác minh ngày 08/3/2019 của bà Trương Thị Tuyết M (bản chính).

Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh D.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 (hai) con chung là Tăng Thường N, sinh ngày 29/3/2005 và Tăng Thụy L, sinh ngày 12/12/2011. Đề nghị giao cả hai cháu cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Đình chỉ yêu cầu phân tố về chia tài sản chung của anh D do anh chị có đơn xin rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật. Trả lại tạm ứng án phí về chia tài sản chung cho chị H, anh D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Tăng Thường Vĩnh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, ấp 3, xã PA, huyện TP, ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung với anh D. Sau đó anh D có yêu cầu phân tố chia tài sản chung của vợ chồng. Đến ngày 04/3/2019, chị H rút phần yêu cầu chia tài sản chung, anh D rút yêu cầu phân tố. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[1.3.1] Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh D là bị đơn trong vụ án.

[1.3.2] Trong quá trình tố tụng, do có yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị H về chia tài sản chung, lời trình bày về nợ chung của bị đơn nên Tòa án đã Thông báo thụ lý vụ án bổ sung và bổ sung tư cách tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh LD; bà Hồ Thị H; ông Lê Huy V; ông Đỗ Thanh Q; ông Lại Văn M; bà Lê Thị T; bà Lam Phương T. Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành

làm việc với những người làm chứng có liên quan đến khoản vay của chị H, anh D bao gồm: bà Lê Thị Minh T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc B.

Xét lời khai của chị H, anh D và những người có tên nêu trên cùng với các tài liệu, chứng cứ xác định: Các khoản nợ anh D trình bày đã được thanh toán xong. Ông Lê Huy V, ông Đỗ Thanh Q, ông Lại Văn M, bà Lê Thị T, bà Lam Phương T, bà Lê Thị Minh T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc B không có ý kiến và không có yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H đối với số tiền 1.500.000.000đ gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh LĐ và số tiền 600.000.000đ bà Hồ Thị H còn nợ khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Xét thấy, giao dịch này đã được các bên thực hiện xong, bà H đã nhận đất và đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng, các bên không tranh chấp với nhau. Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, anh D đã tất toán xong. Bà H, Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án. Mặt khác, chị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh LĐ, bà Hồ Thị H, ông Lê Huy V, ông Đỗ Thanh Q, ông Lại Văn M, bà Lê Thị T, bà Lam Phương T, bà Lê Thị Minh T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị L và anh Nguyễn Quốc B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[1.3.3] Chị Nguyễn Thị Cẩm H do bận công việc nên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của chị H về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ anh D không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Nguyên đơn chị H vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/01/2003. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn nên Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết vụ án.

Xét lời khai của chị H, anh D và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Sau khi kết hôn anh D và chị H sống chung H phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không tôn trọng nhau dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, không trực tiếp trao đổi với nhau để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ.

Anh D thừa nhận tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nhưng anh muốn con cái có đầy đủ cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, để chị H, anh D có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm H, cho chị H được ly hôn với anh Tăng Thường Vĩnh D.

[2.2] Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung:

Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Tăng Thường N, sinh ngày 29/3/2005 và Tăng Thụy L, sinh ngày 12/12/2011. Trong thời gian vợ chồng ly thân, các cháu do anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, đồng ý giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng. Anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu. Trong quá trình tố tụng, chị H đồng ý giao cháu N và cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, hiện nay 02 con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng được sinh sống với anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là Tăng Thường N và Tăng Thụy L cho anh Tăng Thường Vĩnh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung:

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H:

+ Ngày 16 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H như sau:

Chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện ĐH, tỉnh LD với số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), mỗi người 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 07 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H như sau:

Chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất với diện tích 889m² thuộc thửa đất số 185, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã PA, trị giá 500.000.000đ. Chị đồng ý giao cho anh D quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên và anh D có trách nhiệm thanh toán lại cho chị số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 13 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H như sau:

Chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Đây là số tiền bà Hồ Thị H khi nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng anh chị còn nợ lại. Chị H yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán lại cho chị số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, chị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung đã được Tòa án thụ lý. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là tự nguyện, không bị ép buộc và đúng quy định của pháp luật và được Tòa án chấp nhận. Đồng thời, anh D cũng không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Chị H được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của anh D:

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú thụ lý yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh D như sau:

Anh D yêu cầu chia tài sản chung là xe mô tô mang biển số 60B3-491.42, do chị Nguyễn Thị Cẩm H đứng tên giấy đăng ký xe, trị giá 22.000.000đ. Anh D đồng ý giao xe cho chị H toàn quyền sở hữu và yêu cầu chị H thanh toán lại số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, anh D có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung đã được Tòa án thụ lý nêu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện phản tố của anh D là tự nguyện, không bị ép buộc và đúng quy định của pháp luật và được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh D đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Anh D được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Chị H, anh D khai báo không có và không yêu cầu xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh D phải chịu 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chi phí tố tụng khác cho việc gửi thư bằng dịch vụ bưu chính. Số tiền này anh D đã nộp.

[4] Về án phí:

Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 17.300.000đ (mười bảy triệu ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007093 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Trả lại cho chị H 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007137 ngày 07/8/2018 và số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007151 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trả lại cho anh Tăng Thường Vĩnh D số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007022 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn anh Tăng Thường Vĩnh D.

- *Về con chung:* Giao cho anh Tăng Thường Vĩnh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tăng Thường N, sinh ngày 29/3/2005 và Tăng Thụy L, sinh ngày 12/12/2011. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu chia tài sản chung được Tòa án thụ lý các ngày 16/7/2018; 07/8/2018 và ngày 13/10/2018. Chị H được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của anh D đối với yêu cầu chia tài sản chung được Tòa án thụ lý ngày 24/9/2018. Anh D được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Chị H, anh D khai báo không có và không yêu cầu giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng: Anh D phải chịu 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) chi phí tố tụng khác cho việc gửi thư bằng dịch vụ bưu chính. Số tiền này anh D đã nộp.

3. Về án phí:

Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 17.300.000đ (mười bảy triệu ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007093 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Trả lại cho chị H 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007137 ngày 07/8/2018 và số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007151 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trả lại cho anh Tăng Thường Vĩnh D số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007022 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Về quyền kháng cáo: Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 05/2003, quyền số 01/2003 ngày 14/01/2003);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

